



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG II/2016



HÀ NỘI, THÁNG III/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Website: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2016.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên	9
9. Vùng Nam Bộ.....	10
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2016.....	11
<i>a. Đối với cây lúa</i>	<i>12</i>
<i>b. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp</i>	<i>14</i>
2. Tình hình sâu bệnh.....	15
III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG III/2016 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III, IV và V/2016.....	16
1. Về kết quả dự báo thời tiết trong tháng III/2016 [2].....	16
2. Về kết quả dự báo khí hậu 3 tháng III, IV và V/2016 [1].....	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng II/2016 tại hầu hết các địa phương phía Bắc đều thấp hơn TBNN từ -2.3°C đến -0.4°C , các khu vực phía Nam nền nhiệt xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-2,6^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -52mm đến -10mm ngoại trừ một số khu vực thuộc Trung Trung Bộ như Nam Đông, Huế, Trà My, Tam Kỳ có lượng mưa cao hơn TBNN (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -170 giờ đến 92 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -17% đến 5%).

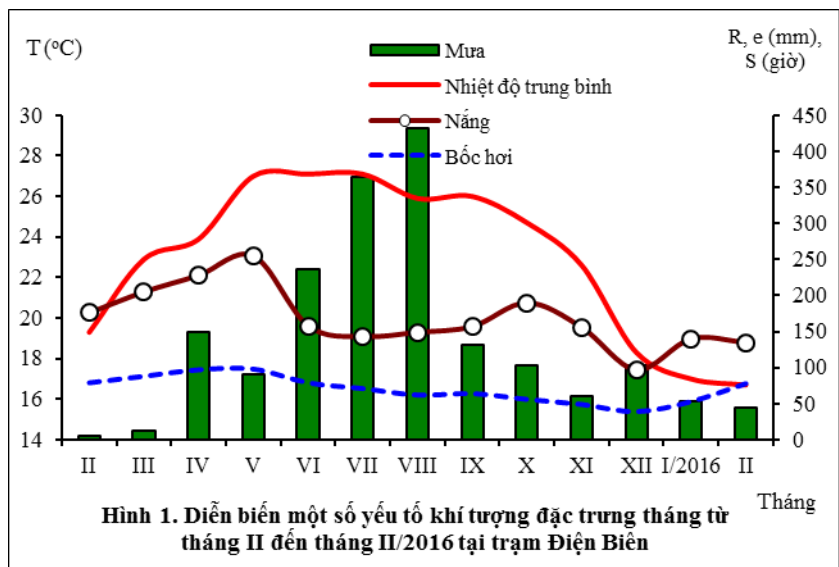
Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng II/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN ($-2,7^{\circ}\text{C}$ đến $-0,8^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $10,2^{\circ}\text{C}$ đến $17,5^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $7,6^{\circ}\text{C}$ đến $14,5^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $1,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 9/II tại Shìn Hồ.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Điện Biên

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $14,5^{\circ}\text{C}$ đến $23,8^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $35,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào các ngày 13/II tại Lạc Sơn. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -24mm đến 14mm. Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 2mm đến 45mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất là 33mm xảy ra ngày 24/II tại Điện Biên .

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 8 ngày, cao nhất là 15 ngày tại Mộc Châu. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 18 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -41 giờ đến 57 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 87 giờ đến 141 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2016 dao động từ 68% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -16% đến -4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19% xảy ra vào ngày 8/II tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng II/2016 có giá trị phổ biến từ 38mm đến 111mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (11mm đến 96mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất là 14mm xảy ra ngày 20/II tại Quỳnh Nhai.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện một vài nơi từ 1 - 2 ngày ngày;

- Mưa phùn xuất hiện ở Mộc Châu (14 ngày), Sơn La (5 ngày).

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng II/2016 vùng Việt Bắc phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-2,1⁰C đến -0,6⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

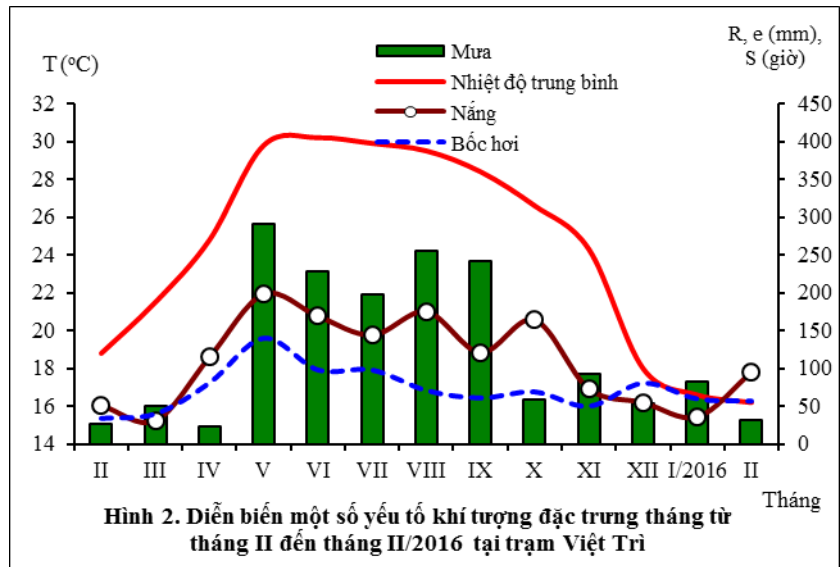
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 8,2⁰C đến 16,6⁰C;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 5,9⁰C đến 14,4⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 2,2⁰C xảy ra vào ngày 8/II tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 11,8⁰C đến 21,3⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 33,4⁰C xảy ra vào các ngày 14/II tại Chiêm Hóa.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 6mm đến 36mm, tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-56mm đến -10mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng II/2015 đến



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Việt Trì

tháng II/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất là 18mm xảy ra ngày 24/II tại Phú Hộ. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 4 - 18 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 82 giờ đến 116 giờ, phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-50 giờ đến 50 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2016 phổ biến từ 70 đến 86%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-13% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20%, xảy ra vào ngày 7/II tại Phú Hộ.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 16mm đến 102mm, và có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (10mm đến 90mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 9mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 8 ngày.

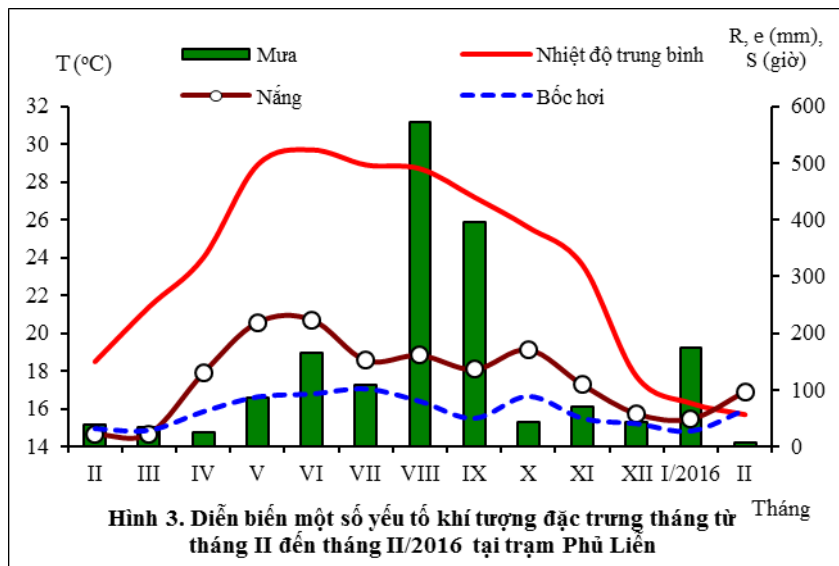
3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-1,0 đến -1,7°C); có giá trị dao động từ 11,6°C đến 16,3°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 16,9⁰C đến 20,9⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,9⁰C xảy ra vào ngày 13/II tại Thất Khê.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 7,9⁰C đến 16,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 1,4⁰C xảy ra vào ngày 13/II tại Trùng Khánh.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Phù Liên

Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng II/2016 dao động phổ biến từ 1mm đến 15mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -35mm đến -5mm (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 1 đến 10mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 - 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 14 đến 25 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2016 đo được ở các nơi trong vùng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (7 giờ đến 92 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 84 giờ đến 102 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 73 đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -10% đến -3%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 11% xảy ra vào ngày 13/II tại Thất Khê.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 55mm đến 94mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức cao hơn lượng mưa (51mm đến 93mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 5 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị từ $15,9^{\circ}\text{C}$ đến $16,9^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ $-1,1^{\circ}\text{C}$ đến $-0,5^{\circ}\text{C}$) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $18,8^{\circ}\text{C}$ đến $20,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ

không khí cao nhất là $34,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/II tại Nho Quan;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ $13,2^{\circ}\text{C}$ đến $14,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $7,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 7/II tại Nho Quan. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Láng được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (hình 11) từ -30mm đến -10mm và có giá trị dao động phổ biến từ 4mm đến 31mm .

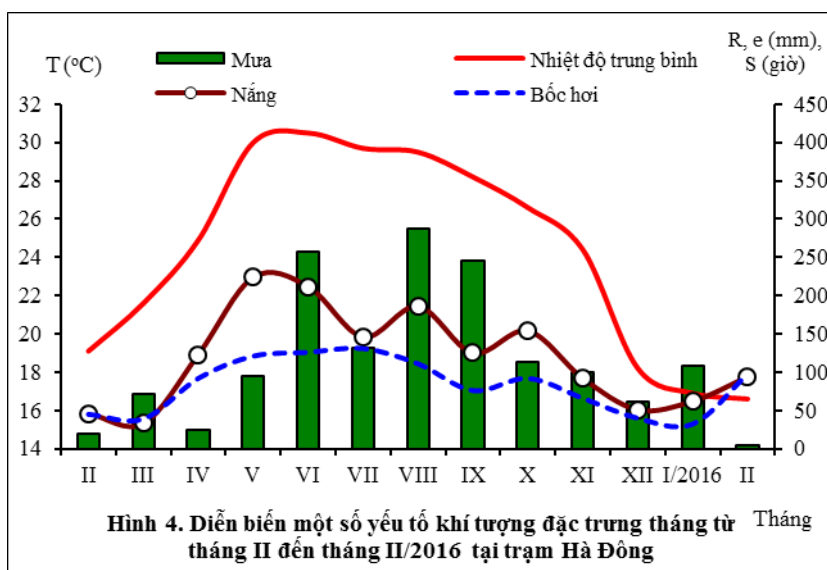
- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 12mm , số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 10 đến 21 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Láng được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 92 giờ đến 112 giờ; có giá trị ở mức cao hơn giá trị TBNN (36 đến 84 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 69% đến 81%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-16% đến -6%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 7/II tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 51mm đến 97mm , lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm . Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 34mm đến 92mm .



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Hà Đông

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

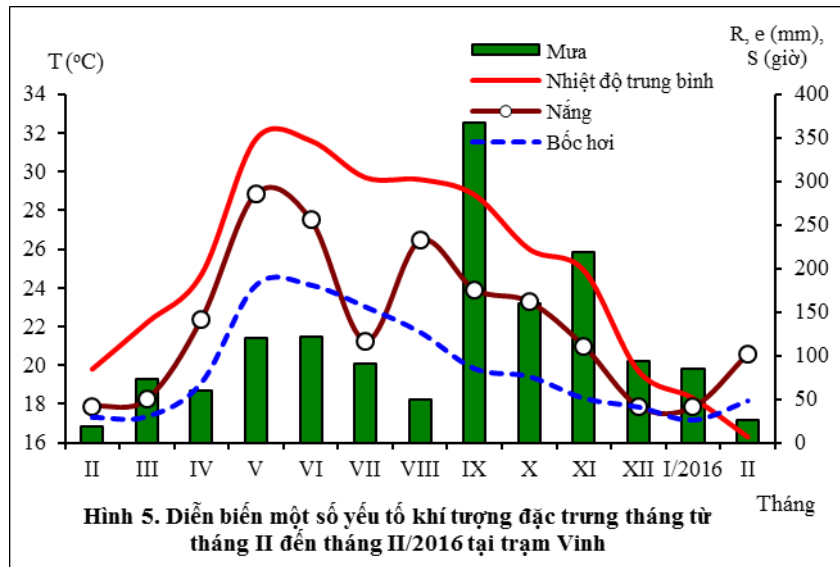
- Mưa phùn xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 10 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ $-2,3^{\circ}\text{C}$ đến $-0,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $15,8^{\circ}\text{C}$ đến $16,6^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $18,7^{\circ}\text{C}$ đến $22,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $36,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/II tại Cửa Rào.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $12,0^{\circ}\text{C}$ đến $14,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $5,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 8/II tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 5mm đến 74mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-30mm đến -5mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1 đến 15mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 17 ngày, số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 29 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 87 giờ đến 111 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (30 giờ đến 61 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-13% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí

thấp nhất tuyệt đối là 17% xảy ra vào các ngày 13/II tại Kỳ Anh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 37mm đến 89mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (10mm đến 90mm).

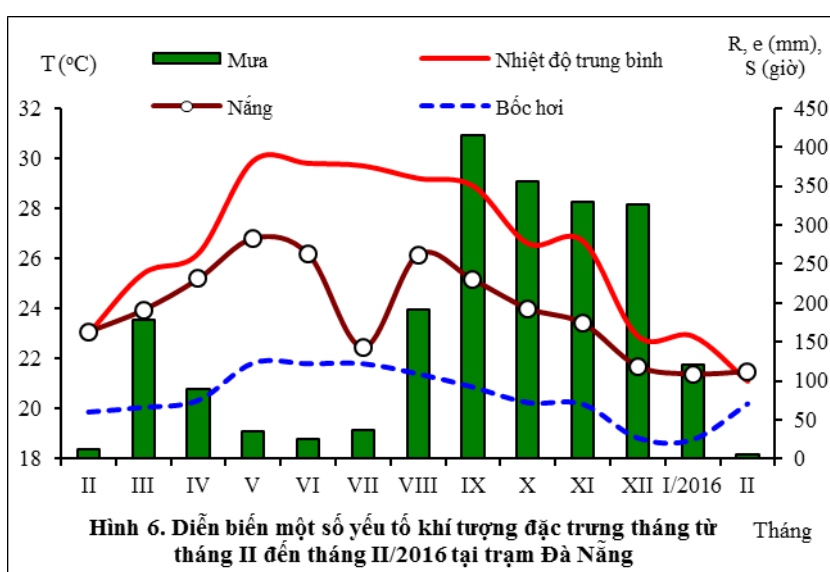
5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày dao động từ 1 đến 2 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2016 nằm trong khoảng từ 15,8⁰C đến 21,8⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-2,6⁰C đến -0,9⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 20,2⁰C đến 25,9⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 14/II tại Nam Đông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 12,7⁰C đến 20,0⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 5.6⁰C xảy ra vào ngày 8/II tại Tuyên Hóa.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng II/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 5mm đến 247mm, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-35mm đến 124mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 70mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 20 ngày, số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 24 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng II/2015 đến

tháng II/2016 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 61 giờ đến 124 giờ, phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 80 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-9% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 22% xảy ra vào ngày 14/II tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 20mm đến 70mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-70mm đến 138mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày dao động từ 1 đến 2 ngày.

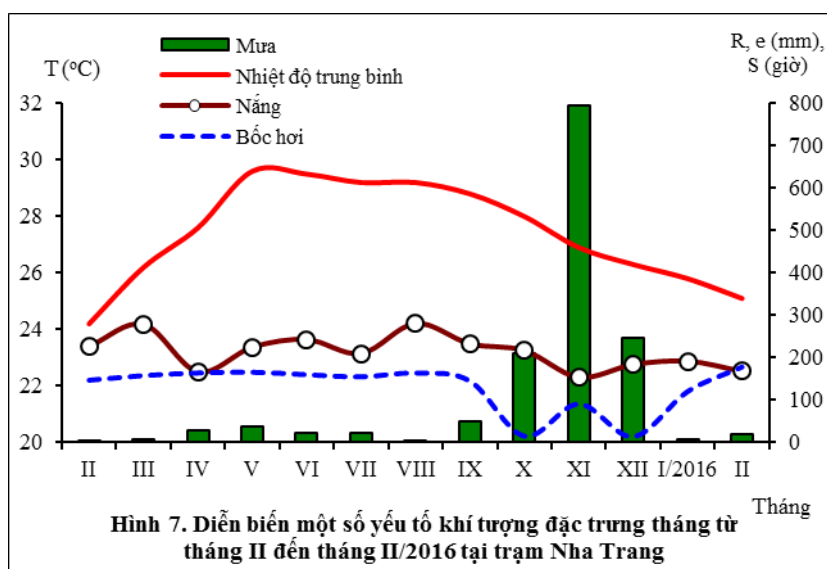
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2016 từ 22,3⁰C đến 27,6⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -0,6⁰C đến 1,2⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,4⁰C đến 30,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,8⁰C xảy ra vào ngày 24/II tại Hàm Tân.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,6⁰C đến 26,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,2⁰C, xảy ra vào ngày 7/II tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng trung tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 6mm đến 35mm. Một số khu vực cả tháng không có mưa: Phan Rang, Hàm Tân, Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất là 19mm, xảy ra vào các ngày 15/II tại Cam Ranh.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục từ 1 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 7 đến 29 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 139 giờ đến 281 giờ, số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-60giờ đến 30 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 67% đến 86%, phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ -17% đến -1% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 34% xảy ra vào ngày 22/II tại Phan Thiết.

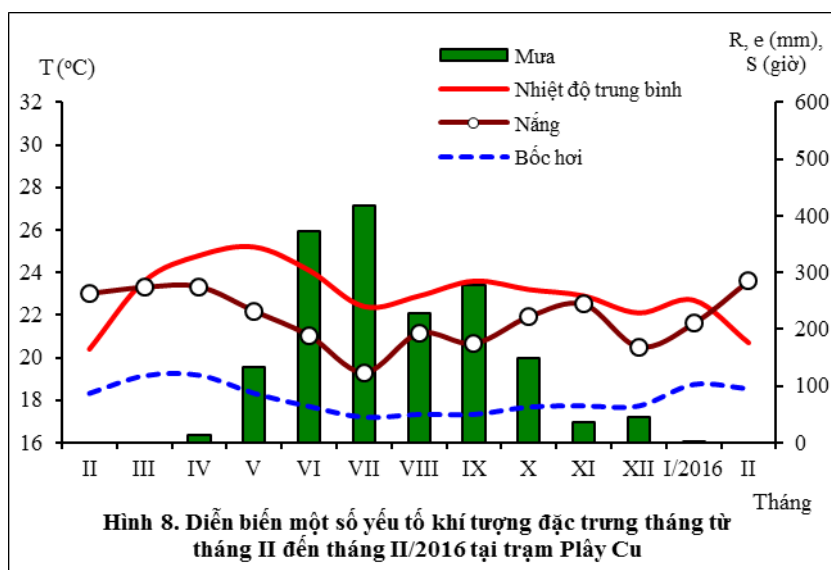
- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 67mm đến 205mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 13mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa 35mm đến 160mm.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2016 từ $16,8^{\circ}\text{C}$ đến $23,9^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,6 đến $1,2^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $23,4^{\circ}\text{C}$ đến $30,1^{\circ}\text{C}$. giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $35,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/II tại Cheo Reo.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $12,7^{\circ}\text{C}$ đến $20,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8°C xảy ra vào ngày 7/II tại Đắc Tô. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2016 thấp, phổ biến dao động từ 7mm đến 87mm. Một số khu vực cả tháng không có mưa như: Liên Khương, Kon Tum, Đắc Tô, Plây Cu. Lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -41mm đến -5mm.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 25mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 1 đến 13 ngày. Trong đó số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 29 ngày, số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2016 phổ biến từ 118 giờ đến 286 giờ; Số giờ nắng ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-11 giờ đến 51 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-2% đến 2%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 63% đến 87%; độ ẩm không khí thấp nhất là 26% xảy ra vào ngày 14/II tại Đắc Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 49mm đến 184mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (60mm đến 184mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện một số khu vực với số ngày là 1 ngày;

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2016 từ $26,2^{\circ}\text{C}$ đến $28,3^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

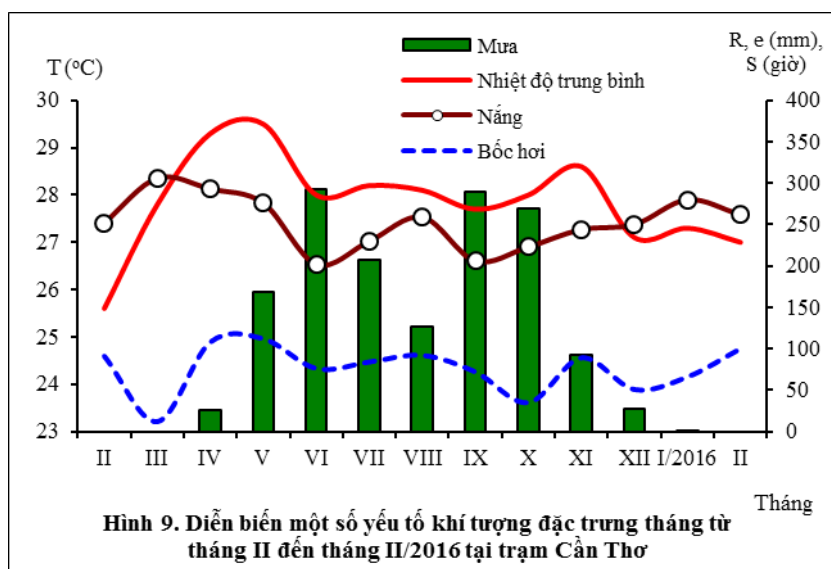
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $29,2^{\circ}\text{C}$ đến 35°C , giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $37,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào các ngày 24/II tại Biên Hòa, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $20,8^{\circ}\text{C}$ đến $26,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/II tại Xuân Lộc.

Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II/2015 đến tháng II/2016 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2016 dao động phổ biến từ 1mm đến 2mm, một số khu vực không có mưa như: Mộc Hóa, Phước Long, Rạch Giá, Bạc Liêu, Châu Đốc, Cao Lãn..., ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2016 tại trạm Cần Thơ

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 1mm đến 2mm.

- Cả tháng chỉ có 1 ngày mưa (ngày 3/II).

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2016 phổ biến từ 208 giờ đến 291 giờ; phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-30 giờ đến 40 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 62% đến 79%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-17% đến 5%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 22% xảy ra vào ngày 20/II tại Xuân Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 89mm đến 167mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm, lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng (92mm đến 164mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 3 ngày đến 10 ngày;

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2016

Điều kiện KTNN tháng II/2016 ở hầu hết các vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt thấp, tổng lượng mưa

tháng quá ít hoặc không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao gây tình trạng thiếu nước nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh phía Bắc liên tiếp xuất hiện các đợt không khí lạnh tăng cường vào trung tuần tháng II và đầu tháng III gây ra các đợt rét đậm, rét hại, làm ảnh hưởng đến tiến độ gieo cấy lúa vụ đông xuân 2015-2016. Ở các tỉnh phía Nam, hạn hán ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, thời tiết không mưa cùng với các đợt xâm nhập mặn đã gây ảnh hưởng lớn cho bà con nông dân.

Sản xuất nông nghiệp tháng II tập trung chủ yếu vào việc gieo cấy vụ đông xuân, thu hoạch các cây vụ đông, chăm sóc bón phân, phòng trừ sâu bệnh và giữ nước cho diện tích lúa đông xuân sớm đã gieo cấy ở các tỉnh Miền Bắc. Các tỉnh phía Nam đã kết thúc gieo cấy lúa vụ đông xuân, chăm sóc lúa chính vụ và thu hoạch các trà đông xuân sớm, đồng thời tranh thủ làm đất gieo trồng các loại cây màu vụ xuân, cây công nghiệp ngắn ngày và rau đậu các loại. Trong tháng 2, hoạt động trồng trọt tại các tỉnh phía Bắc tập trung vào chăm sóc cho diện tích trà lúa sớm, khôi phục lại diện tích lúa bị chết, đồng thời tiếp tục gieo trồng lúa và hoa màu vụ Đông Xuân trên phần diện tích còn lại. Tính đến trung tuần tháng 2 các địa phương miền Bắc gieo cấy đạt gần 528 ngàn ha lúa đông xuân, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng gieo cấy đạt 235 ngàn ha, tăng 0,4%. Các tỉnh phía Nam cũng đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa đông xuân, diện tích đạt 1.912,5 triệu ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống đạt hơn 1,55 triệu ha, bằng 99,3% so với cùng kỳ năm trước. Tại vùng ĐBSCL lúa đông xuân sớm đã cho thu hoạch, đạt 397,5 ngàn ha, chiếm khoảng 26% tổng diện tích xuống giống toàn vùng.

1. Tình hình trồng trọt

a. Đối với cây lúa

- Ở các tỉnh phía Bắc: Tháng II là tháng mùa đông ở các tỉnh Miền Bắc, điều kiện khí tượng nông nghiệp không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Trong tháng II, do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh tăng cường làm nhiệt độ nền nhiệt hạ thấp, xảy ra các đợt rét đậm, rét hại làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

Cùng với các đợt rét đậm, rét hại thì lượng mưa và số ngày mưa trong tháng cũng rất ít, nhiều khu vực lượng mưa cả tháng dưới 10mm thấp hơn lượng bốc hơi từ 10 – 100mm, độ ẩm không khí tối thấp tuyệt đối có những nơi xuống dưới 25% (Sông Mã, Cò Nôi, Yên Châu – Sơn La) làm cho các sông suối, hồ ao cạn kiệt không đủ nước cung cấp cho vụ đông xuân.

Tại các địa phương phía Bắc, do ảnh hưởng của đợt rét đậm, rét hại cuối tháng 1 và đầu tháng 2 nên có gần 50 nghìn ha mạ, lúa và hoa màu bị thiệt hại, trong đó hơn 30 nghìn ha phải gieo cấy lại. Một số địa phương có diện tích bị thiệt hại nhiều: Nghệ An 21,7 nghìn ha; Thanh Hóa 13,7 nghìn ha; Hà Tĩnh 12,4 nghìn ha; Lào Cai gần 1 nghìn ha. Hiện nay các địa phương đang khẩn trương khôi phục lại diện tích lúa bị chết và chăm sóc cho trà lúa sớm, đồng thời tiếp tục gieo trồng lúa và hoa màu vụ đông xuân trên phần diện tích còn lại cho kịp thời vụ.

Tính đến trung tuần tháng 2 các địa phương miền Bắc gieo cấy đạt gần 528 ngàn ha lúa đông xuân, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng gieo cấy đạt 235 ngàn ha, tăng 0,4%; vùng Bắc Trung bộ đạt gần 195 ngàn ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Để tạo điều kiện cho nông dân gieo cấy lúa và trồng màu trong khung thời vụ tốt nhất, nhiều địa phương tập trung ưu tiên, sử dụng tối đa công suất các trạm bơm, máy bơm các loại để lấy nước phục vụ đổ ải và tưới dưỡng cho mạ mới gieo, đồng thời tích trữ vào các kênh mương ao, hồ... đảm bảo đủ lượng nước cần thiết để gieo cấy lúa xuân trên địa bàn kịp thời vụ.

- Ở các tỉnh phía Nam: Các địa phương đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa đông xuân đạt tổng diện tích 1.912,5 triệu ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) xuống giống đạt hơn 1,55 triệu ha, bằng 99,3% so với cùng kỳ năm trước. Tại vùng ĐBSCL lúa đông xuân sớm đã cho thu hoạch, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Sóc Trăng (chiếm 52% diện tích xuống giống), Tiền Giang (52%), Đồng Tháp (45%), Long An (28%), Kiên Giang (24%)... Tổng diện tích lúa đông xuân cho thu hoạch đạt 397,5 ngàn ha, chiếm khoảng 26% tổng diện tích xuống giống toàn vùng.

Hầu hết các khu vực thuộc ĐBSCL cả tháng không có mưa nên một số địa bàn thuộc các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau,... bị nước mặn xâm nhập trên diện rộng, nhất là các vùng nằm dọc theo ven biển, có nơi nước mặn vào sâu đến hàng chục km. Tính đến trung tuần tháng 2 đã có 24,5 nghìn ha lúa bị nhiễm mặn (mất trắng 6 nghìn ha), trong đó Bến Tre 10 nghìn ha; Long An 7 nghìn ha; Kiên Giang 6,5 nghìn ha; Tiền Giang 1 nghìn ha.

Tây Nguyên và Nam Trung Bộ đang là cao điểm của mùa khô, hầu hết các khu vực cả tháng không có mưa hoặc lượng mưa không đáng kể trong khi đó lượng bốc hơi từ 60-170mm làm cho hàng vạn héc ta cây trồng nhất là cây cà phê, hồ tiêu đang đối mặt với một mùa hạn mới. Với thời tiết hanh khô lớn nên

khả năng gây cháy rừng rất cao. Ở những vùng sản xuất nông nghiệp nhờ nước trời việc gieo cấy lúa đông xuân gặp nhiều khó khăn.

b. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương trên toàn quốc tiếp tục triển khai gieo trồng cây màu vụ đông xuân, tổng diện tích gieo trồng đạt khoảng 395 ngàn ha, đạt 93,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích gieo trồng ngô đạt gần 244 ngàn ha, bằng 98,1% so với cùng kỳ năm trước; khoai lang đạt 53,4 ngàn ha, bằng 98,2% so với năm trước; sắn đạt 92,6 ngàn ha, bằng 98,5% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày đạt hơn 186 ngàn ha, bằng 90,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích đậu tương đạt 31,3 ngàn ha, bằng 89,2%; diện tích lạc đạt 84,9 ngàn ha, bằng 89% cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 372,4 ngàn ha, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước.

Ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên do tình trạng không mưa hoặc lượng mưa không đáng kể đã ảnh hưởng lớn đến nhiều diện tích rau màu và cây công nghiệp.

Chè ở Mộc Châu và Phú Hộ đang trong thời kỳ chè lớn nảy chồi, ở Ba Vì đang trong thời kỳ lá thật thứ nhất, do thời tiết khô hanh, ít mưa nên trạng thái sinh trưởng từ xấu đến trung bình

Ở Bắc Trung Bộ: lạc, đang trong thời kỳ lá thật thứ 3, đậu tương nảy chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1)

Cà phê ở Tây Nguyên, Xuân Lộc đang trong thời kỳ nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình đến tốt (bảng 1).

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng II/2016

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Văn Chấn	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
2		Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Xấu	Rất khô
3		Điện Biên	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
4		Tuyên Quang	Lúa xuân đẻ nhánh	khá	ẩm
5	Đông Bắc	Bắc Giang	Cây lúa chiêm	Khá	3 cm
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ		
7		Uông Bí	Lúa chiêm BRHX	Khá	4 cm

8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn nảy chồi	TB	TB
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	Tương đối khô
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân BRHX	Khá	4 cm
11		Hải Dương	Lúa chiêm BRHX	Khá	4 cm
12		Hung Yên	Lúa xuân cấy	Khá	ẩm
13		Hoài Đức	Lúa xuân lá thứ 3	Khá	Âm
14		Thái Bình	Lúa chiêm cấy	khá	3 cm
15		Nam Định	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	10 cm
16		Ninh Bình	Lúa xuân cấy	TB	3 cm
17	Duyên hải Miền Trung	Thanh Hóa	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
18		Yên Định	Lạc lá thứ 3 Đậu tương mọc mầm	TB	TB
19		Đô Lương	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	3 cm
20		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
21	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê nở hoa	Tốt	Tương đối khô
22		An Nhơn	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB	3 cm
23	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê nở hoa	TB	ẩm
24		Mỹ Tho	Lúa mùa mọc dón	TB	3 cm
25		Tuy Hoà	Lúa xuân mọc dón	Khá	3 cm
26		Bạc Liêu	Lúa mùa mọc dón		
27		Trà Nóc	Lúa xuân ngâm sữa	khá	3cm

2. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, tháng 2 hầu hết các loại dịch hại trên lúa đều có xu hướng giảm rõ rệt, một số loại dịch tuy có phát sinh tăng nhưng diện tích bị nhiễm nặng không nhiều.

Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 7.821 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 80 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Chuột: Tổng diện tích hại 13.322 ha, diện tích nhiễm nặng 106 ha. Chuột hại tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở tất cả các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 3.383 ha
- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 12.766 ha, diện tích nhiễm nặng 50 ha tập trung tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 46.601 ha, diện tích nhiễm nặng 827 ha. Tập trung chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 15.315 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 555 ha.
- Đạo ôn cổ bông hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 8.452 ha, diện tích nhiễm nặng 313 ha.
- Đạo ôn lá hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 37.036 ha; diện tích nhiễm nặng 429 ha
- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 2.645 ha. Sâu non gây hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở tất cả các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 3.383 ha.
- Nhện gié hại rải rác ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 918 ha.
- Ốc bươu vàng hại lúa với diện tích 6.846,5 ha; nặng 352 ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, Huế, Thanh Hóa, Quảng Trị.
- Vàng lá hại rải rác ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 6.211 ha.
- Vàng lá sinh lý: hại nhẹ ở các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định với tổng diện tích 1.975 ha (tăng so với cùng kỳ năm trước) nặng 120 ha.

III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG III/2016 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III, IV và V/2016

1. Về kết quả dự báo thời tiết trong tháng III/2016 [2]

1.1. Nhiệt độ

- + Bắc Bộ: Nhiệt độ khu vực phía Tây Bắc Bộ phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) khoảng 0.5 đến 1.0 độ C.

Nhiệt độ khu vực phía Đông Bắc Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN với chuẩn sai dao động từ -0.5 đến 0.5 độ C.

+ Các tỉnh Trung Bộ: Nhiệt độ phổ biến cao hơn giá trị TBNN khoảng 0.5 đến 1.0 độ C.

+ Các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ: Nhiệt độ phổ biến cao hơn so với giá trị TBNN khoảng 0.5 đến 1.0°C.

1.2. Lượng mưa

+ Bắc Bộ: Khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn khoảng 10% đến 30% so với giá trị TBNN cùng thời kỳ.

+ Các tỉnh ven biển Trung Bộ: Lượng mưa tại khu vực các tỉnh Trung Trung Bộ ở mức thấp hơn khoảng 20% đến 40% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ: Phổ biến ít mưa, tổng lượng mưa tháng phổ biến khoảng dưới 5 mm.

1.3. Thời tiết đặc biệt

Trong tháng 3/2016 có khả năng xảy ra từ 1-2 đợt không khí lạnh (KKL) ảnh hưởng đến các tỉnh miền Bắc. Khu vực Đông Nam Bộ tiếp tục có khả năng chịu ảnh hưởng của hiện tượng nắng nóng.

Khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến ít mưa, lượng mưa có xu hướng thấp hơn trung bình, do vậy tình trạng khô hạn, thiếu nước và xâm nhập mặn ở khu vực ven biển sẽ tiếp tục diễn ra gay gắt

2. Về kết quả dự báo khí hậu 3 tháng III, IV và V/2016 [1]

2.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng III-V/2016, nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn trên hầu hết diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; chuẩn sai nhiệt độ có giá trị chủ yếu từ 0 đến 1°C.

2.2. Lượng mưa

Lượng mưa có khả năng cận đến hụt chuẩn ở đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng vượt chuẩn ở Trung Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên với xác suất từ 55-77%. Chuẩn sai của lượng mưa có giá trị từ -200 đến 200mm trên hầu khắp diện tích nước ta; riêng ở Đông Bắc, chuẩn sai lượng mưa có giá trị dưới -200mm.

2.3. Xoáy thuận nhiệt đới và không khí lạnh

Kết quả thống kê 3 tháng III-V trung bình thời kỳ 1971-2000, có 1 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và trung bình cứ 5 năm thì có 1 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 8 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng III-V.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng II/2016, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng III/2016 và dự báo khí hậu 3 tháng III, IV và tháng V/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường chăm sóc và có các biện pháp phòng chống rét bảo vệ lúa xuân, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm nhất là trâu, bò mà đặc biệt chú trọng là ở các tỉnh vùng cao.

- Do thời tiết nắng ấm, cùng với mưa phùn là điều kiện thời tiết thuận lợi cho sâu bệnh phát triển, vì vậy cần chuẩn bị các biện pháp phòng trừ sâu bệnh.

- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn để đủ nước tưới dưỡng cho lúa.

2. Miền Trung:

- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;

- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam:

- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn.

- Chăm sóc lúa vụ đông xuân.

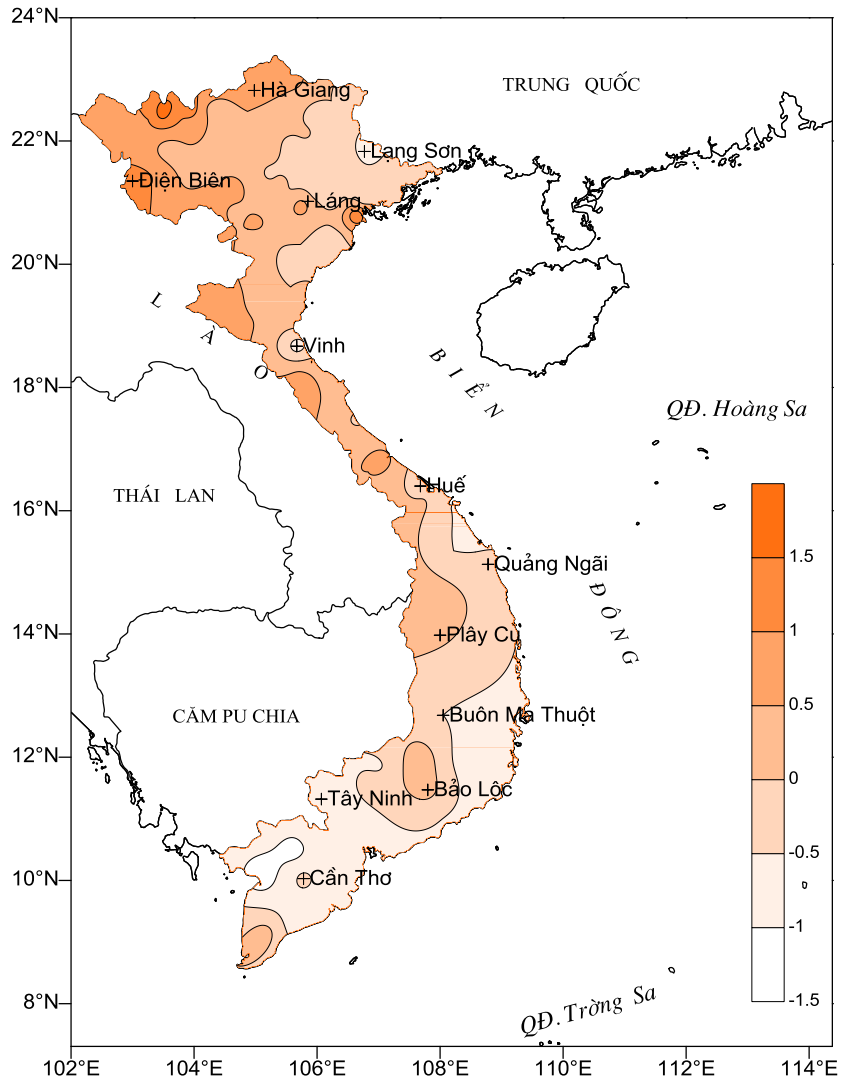
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là các biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa và ngăn chặn dịch rầy nâu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

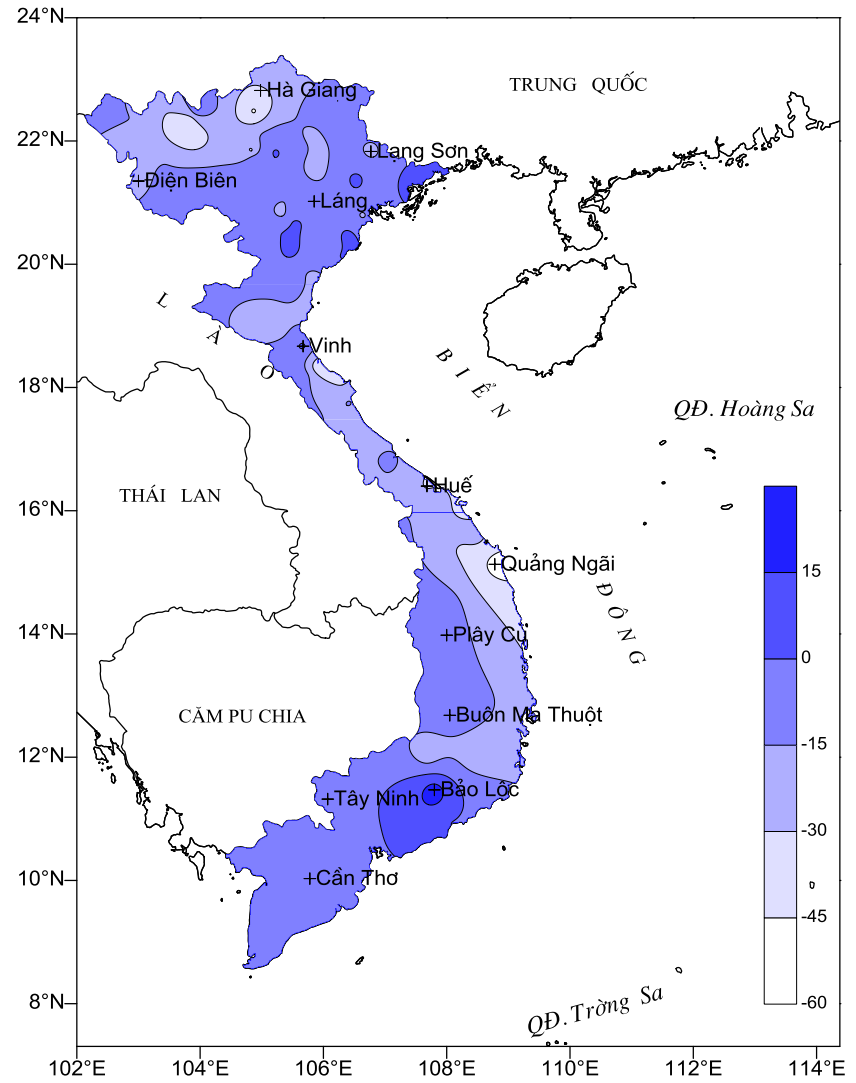
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng III, IV, V/2016;

2. <http://www.nchmf.gov.vn/web/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 3 năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;

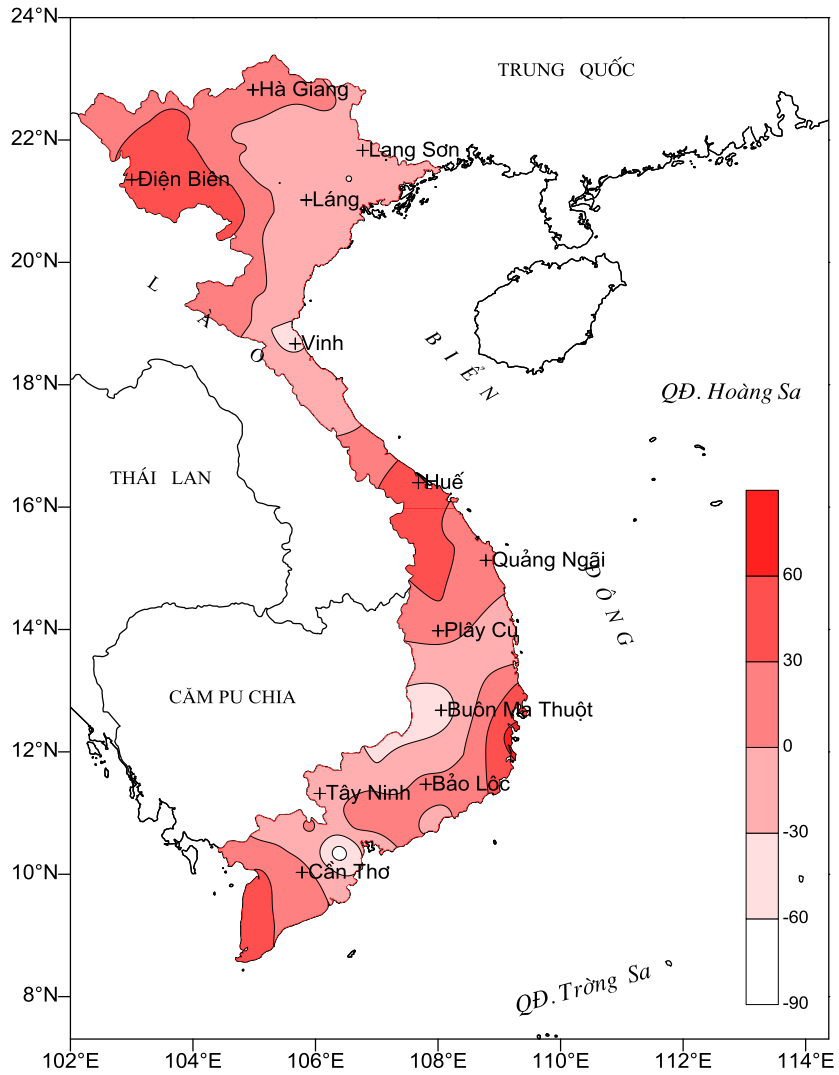
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng II năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



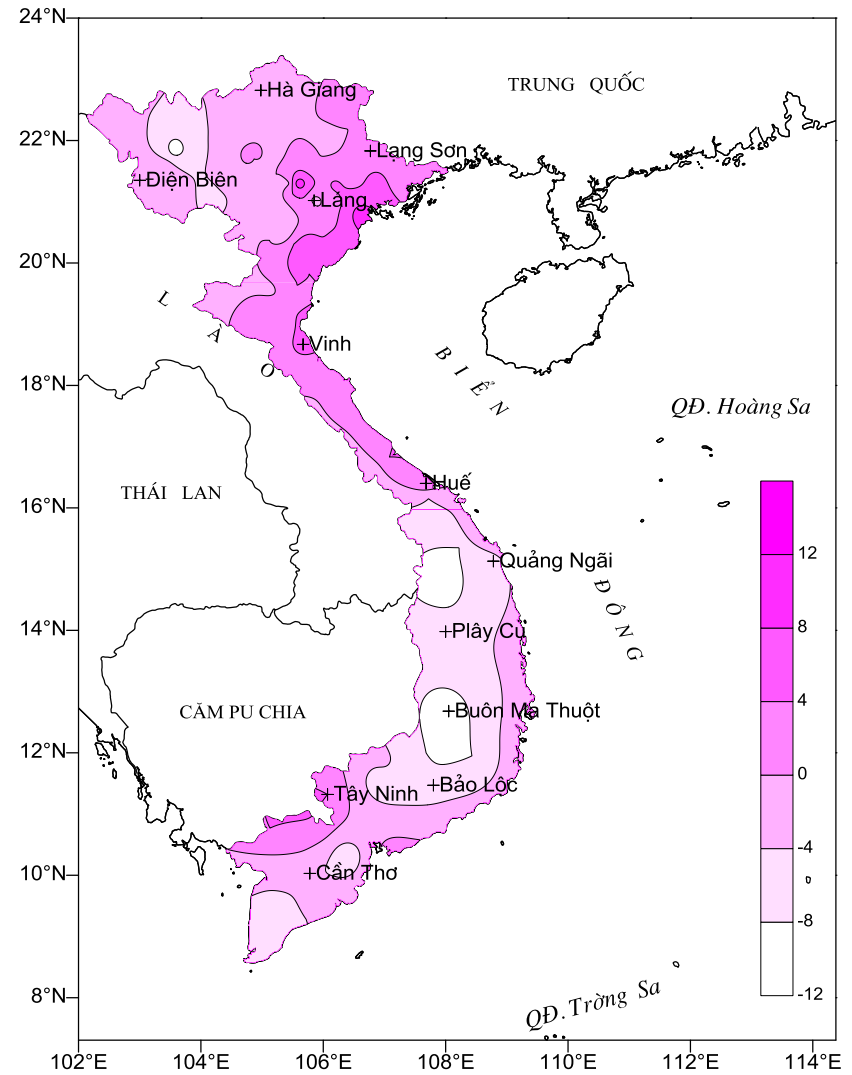
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng II/2016 so với TBNN (°C)



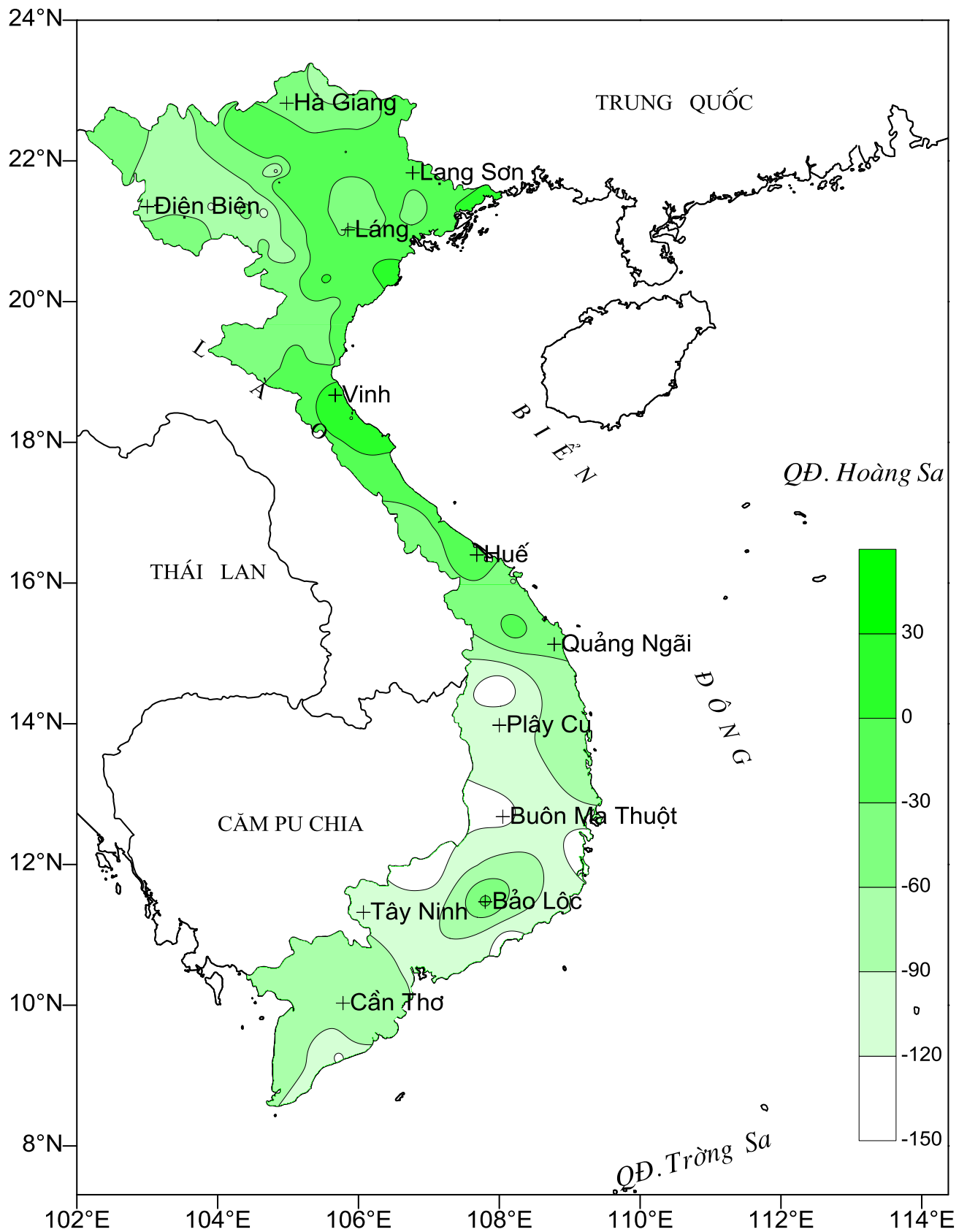
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng II/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng II/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng II/2016 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng II/2016 (mm)